

REVIEW 3
SKILLS

- title	(n) : đầu đề
- toe Wrestling	(n) : đấu vật ngón chân
- arm wrestling	(n) : đấu vật tay
- cheese Rolling	(n) : cuộn pho mát
- competitor	(n) : đấu thủ, người cạnh tranh
- roll	(v) : lăn , cuộn
- round	(adj) : tròn
- piece	(n) : mảnh, mẩu, miếng
- hill	(n) : đồi
- run after	(v) : chạy sau
- catch	(v) : bắt lấy, chụp lấy, đuổi kịp
- lock	(v) : khóa, ghì chặt
- push	(v) : đẩy, xô
- travel	(v) : đi lại , đi du lịch
- cost	(n) : giá, chi phí
- tour	(n) : chuyến đi du lịch
- snake	(n) : con rắn
- performance	(n) : sự biểu diễn

--	--